TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 02 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG,
TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Xuân Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Phương Dung;

2. Ông Trương Hữu Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 781/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị D, sinh năm 1992

Hộ khẩu thường trú: Ấp 8, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Nơi ở hiện nay: Ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Anh Võ Hoàng T, sinh năm 1978

Hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 22/11/2017, bản tự khai ngày 22/11/2017, biên bản hòa giải ngày 30/11/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn (chị D) trình bày:

Chị D, anh T chung sống với nhau từ năm 2011, sống chung tự nguyện, không tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn.

- Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên Hồ Thanh L, sinh ngày 29/8/2015, chị D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lý do xin ly hôn: Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra gây gổ, cãi vã do bất đồng quan điểm, không hòa hợp lối sống của nhau, vợ chồng không còn tin tưởng nhau nên tình cảm ngày càng phai nhạt, sống chung không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị D yêu cầu ly hôn với anh T.

Theo bản tự khai ngày 28/11/2017, biên bản hòa giải ngày 30/11/2017 và tại phiên tòa, bị đơn (anh T) trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T thống nhất với lời trình bày của chị D về quá trình chung sống, sống chung tự nguyện, không tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn. Anh T thống nhất với lời trình bày của chị D về lý do xin ly hôn, anh T thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, anh T không còn tin tưởng chị D, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn được nữa. Trước yêu cầu xin ly hôn của chị D thì anh T đồng ý ly hôn.

- Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên Hồ Thanh L, sinh ngày 29/8/2015, anh T đồng ý để chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; do chị D không yêu cầu nên anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 14, 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên nguyên đơn, bị đơn không phải là vợ chồng; áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng.

Chứng cứ, tài liệu được Hội đồng xét xử xem xét gồm:

- 01 Biên bản hòa giải của tổ hòa giải ngày 09/10/2017 (bản photo);

- 01 Biên bản xác minh ngày 28/11/2017 (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011 nhưng không tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân không hợp pháp vì không tuân theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[2] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Hồ Thanh L, sinh ngày 29/8/2015.

[3] Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Tại biên bản xác minh ngày 28/11/2017, Ban lãnh đạo ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương xác nhận nguyên đơn và bị đơn cùng chung sống tại tổ 8 (cũ) ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương từ năm 2011 cho đến tháng 10/2017. Như vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Tại biên bản xác minh ngày 28/11/2017 cũng thể hiện: Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra gây gổ, cãi vã do bất đồng quan điểm, không hòa hợp lối sống của nhau, vợ chồng không còn tin tưởng nhau nên tình cảm ngày càng phai nhạt, sống chung không có hạnh phúc. Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau nhưng không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn theo đúng quy định.

[7] Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định:

"1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền (sau đây gọi là cơ quan đăng ký kết hôn) thực hiện theo nghi thức quy định tại Điều 14 của Luật này.

Mọi nghi thức kết hôn không đúng quy định tại Điều 14 của Luật này đều không có giá trị pháp lý.

Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng".

Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định:

"Khi tổ chức đăng ký kết hôn phải có mặt hai bên nam, nữ kết hôn. Đại diện cơ quan đăng ký kết hôn yêu cầu hai bên cho biết ý muốn tự nguyện kết hôn, nếu hai bên đồng ý kết hôn thì đại diện cơ quan đăng ký kết hôn trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên".

Như vậy, nguyên đơn và bị đơn đã tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011 cho đến tháng 10/2017 nhưng không đăng ký kết hôn là không thực hiện đúng quy định về việc đăng ký kết hôn theo Khoản 1 Điều 11 và không tổ chức lễ cưới theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 cũng như theo quy định tại Khoản 1 Điều 9, Khoản 2 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, Hội đồng xét xử không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng.

Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử đã giải thích cho nguyên đơn, bị đơn biết về việc nguyên đơn và bị đơn có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 nên nguyên đơn và bị đơn có thể tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 9, Khoản 2 Điều 14 nhưng nguyên đơn và bị đơn vẫn kiên quyết xin ly hôn.

[8] Con chung: Quá trình chung sống, nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Hồ Thanh L, sinh ngày 29/8/2015, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện nay con chung đang do nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và hiện nay cháu L dưới 36 tháng tuổi nên tiếp tục giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là đúng với quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hội đồng xét xử đã phân tích, giải thích cho nguyên đơn biết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 82 và quyền của nguyên đơn theo quy định tại Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên được Tòa án ghi nhận.

[9] Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[10] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[11] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 39, 147, 177, 227, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 11, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Các Điều 9, 14, 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Hồ Thị D và anh Võ Hoàng T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Hồ Thanh L, sinh ngày 29/8/2015 cho chị Hồ Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do chị Hồ Thị D không yêu cầu nên anh Võ Hoàng T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, một hoặc cả hai bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Chị Hồ Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0011116 ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/02/2018)./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện D;
- CC THADS huyện D;
- UBND xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Tạo